

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2021.

*“V/v yêu cầu không công nhận quan
hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG ẢNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thúy Hà**.

2. Bà: **Lưu Thị Nguyên**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Hồng Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng - tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa: Ông **Ngô Hoài Ngân** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc *“Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lò Thị L**; Sinh năm: 1991; Nơi cư trú: Bản C, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; (Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Anh **Lường Văn T**; Sinh năm: 1991; Nơi cư trú: Bản C, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; (Có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Lò Thị L: Bà **Lò Thị Khánh H**, sinh năm 1982; chức danh: Trợ giúp viên pháp lý; Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 30 tháng 11 năm 2020, bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lò Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị L và anh Lường Văn T tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và chung sống như vợ chồng từ năm 2008, không đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã theo quy định của pháp luật mà chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi lấy nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động bên ngoài. Trong quá trình chung sống chị L và anh T phát sinh rất nhiều mâu thuẫn

do bất đồng quan điểm sống. Bản thân chị L luôn cố gắng để xây dựng một gia đình hạnh phúc. Chị L muốn con lớn lên có được sự quan tâm, yêu thương của cha mẹ. Ngược lại anh T không quan tâm, yêu thương, chăm sóc chị L và con chung. Bởi vậy giữa chị L và anh T thường xuyên xảy ra cãi cự. Từ cuối tháng 8 năm 2020 chị L và anh T đã ly thân với nhau. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Kể từ khi chị về nhà bố mẹ đẻ thì vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Do không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung với anh T nên chị L đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị L với anh Lương Văn T.

Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là cháu Lương Văn T1, sinh ngày: 13/3/2011.

Về con chung chị L yêu cầu giải quyết như sau: Hiện nay cháu Lương Văn T1 đang sống cùng với chị L tại Bản C, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên. Trong quá trình giải quyết chị L có nguyện vọng được nuôi cháu T1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ thu về, nợ phải trả: Chị L và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn nhất trí với đề nghị của nguyên đơn và đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận nội dung của chị L trình bày tại phiên tòa.

* Bị đơn – Anh Lương Văn T được triệu tập nhiều lần và đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại buổi công khai chứng cứ, hòa giải. Nhưng tại phiên tòa hôm nay anh có mặt và trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh Lương Văn T và chị Lò Thị L tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và chung sống như vợ chồng từ năm 2008, không đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã theo quy định của pháp luật mà chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi lấy nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động bên ngoài. Trong quá trình chung sống anh T, chị L có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nhưng chưa đến mức trầm trọng. Từ cuối tháng 8 năm 2020, chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh T đã gọi điện cho chị L nhưng chị L nói rất khó nghe, nên anh T không liên lạc với chị L nữa. Nay chị L đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T với chị L thì anh không nhất trí vì anh T vẫn còn tình cảm và mong chị L suy nghĩ lại để về cùng nhau xây dựng gia đình.

Về con chung: Anh Lương Văn T và chị Lò Thị L có 01 con chung là cháu Lương Văn T1, sinh ngày 13/3/2011.

Về con chung anh Lương Văn T yêu cầu giải quyết như sau: Hiện nay cháu Lương Văn T1 đang sống cùng với chị L tại Bản C, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên. Anh T có nguyện vọng được nuôi cháu T1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ thu về, nợ phải trả: Anh T và chị L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Bà Lò Thị Khánh H – Trợ giúp viên pháp lý của Nguyên đơn nhất trí với đề nghị của nguyên đơn và đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận nội dung của chị L trình bày tại phiên tòa.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự ở giai đoạn sơ thẩm.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 9, 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị L và anh Lương Văn T.

Về con chung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 15, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Lương Văn T1, sinh ngày 13/3/2011 cho chị Lò Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Lương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Anh T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở; Anh T được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ thu về, nợ phải trả: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147 BLTTDS, Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị L, do chị L là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện của chị Lò Thị L với anh Lương Văn T thì được xác định là vụ án yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại các Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Thời điểm chị Lò Thị L nộp đơn ly hôn, anh Lương Văn T có nơi ĐKKTT tại Bản C, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng theo quy định tại khoản 7 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án.

Ngày 02/12/2020, Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án tranh chấp về “*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung*” giữa nguyên đơn là chị Lò Thị L và bị đơn anh Lương Văn T. Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án, tiến hành tổng đạt theo đúng quy định của pháp luật. Hết thời hạn 15 ngày bị đơn anh Lương Văn T không có ý kiến gì.

Tòa án ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, Tòa án ra Thông báo hòa giải lần 2 đã tiến hành tổng

đạt trực tiếp cho anh Lương Văn T nhưng 02 buổi hòa giải anh T không đến tham gia hòa giải. Do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay anh T có mặt tại phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Xét về quan hệ hôn nhân của chị Lò Thị L và anh Lương Văn T được xác lập vào năm 2008, việc sống chung là do hai anh chị tự nguyện, đến thời điểm đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng anh chị không đi đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ trên lời khai của các đương sự, Tòa án cũng tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện M thì xác định chị Lò Thị L và anh Lương Văn T không có đăng ký kết hôn mặc dù đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình. Vì vậy, quan hệ của hai anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Anh T tại phiên tòa trình bày vẫn còn tình cảm với chị L nhưng từ khi chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ anh T và chị L không quan tâm, liên lạc với nhau. Xét thấy, anh chị không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ anh T, chị L đã mâu thuẫn trầm trọng. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình xác định yêu cầu của chị Lò Thị L là có cơ sở để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị L và anh Lương Văn T.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu giao nuôi con chung của chị Lò Thị L cũng như nguyện vọng của cháu Lương Văn T1 thì thấy: Việc chị Lò Thị L muốn tự mình nhận nuôi cháu T1 là phù hợp với nguyện vọng của cháu. Hiện nay cháu đang sống ổn định cùng mẹ từ khi chị L, anh T không còn sống chung, cháu vẫn còn nhỏ nên để không gây xáo trộn về tâm lý đồng thời đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt của cháu.

Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Lương Văn T1 cho chị Lò Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động.

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Lò Thị L không yêu cầu anh Lương Văn T cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ thu về, nợ phải trả: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Xét thấy chị Lò Thị L là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, vì vậy Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị L.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đưa ra đề nghị hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014; Khoản 7 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều

39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị L và anh Lường Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lường Văn T1, sinh ngày: 13/3/2011 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động. Anh Lường Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lường Văn T có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lò Thị L có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Anh Lường Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ thu về, nợ phải trả: Chị L và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị L.

Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã X, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân